

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị Quyết sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung và định mức hỗ trợ tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND thị xã

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã
(Kỳ họp thứ 16 cuối năm 2020 HĐND thị xã khóa VI)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị về hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh về việc khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh về ban hành quy định nội dung chi, mức chi các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016- 2020 theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định danh mục, định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề, dịch vụ nông thôn thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND thị xã về ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp thị xã theo hướng nâng cao giá trị sản xuất và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

UBND thị xã trình HĐND thị xã xem xét, thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND thị xã với các nội dung như sau:

I. Tình hình thực hiện Nghị quyết:

Qua hơn 3 năm thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND thị xã về ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp thị xã theo hướng nâng cao giá trị sản xuất và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, đã đạt được một số kết quả nhất định. Có trên 14 loại mô hình được xây dựng và phát triển tập trung chủ yếu các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi; với 193 hộ hưởng lợi, ước tổng kinh phí lồng ghép các nguồn lực đầu tư: 2.168,93 triệu đồng, trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 916,426 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 1.241,324 triệu đồng. Trong nguồn vốn trên, vốn lồng ghép từ các chương trình dự án của trung ương, tỉnh để triển khai thực hiện 1.891,6 triệu đồng (Ngân sách tỉnh, Trung ương 826 triệu đồng, kinh phí người dân đóng góp 1.065,6 triệu đồng) chiếm 87,2% tổng kinh phí thực hiện dự án; kinh phí thực hiện các nội dung của Nghị quyết trong 3 năm là 277,33 triệu đồng (chỉ chiếm 12,8% tổng kinh phí thực hiện các mô hình, dự án tái cơ cấu), trong đó: Ngân sách thị xã hỗ trợ 83,906 triệu đồng (chiếm 11,1% kế hoạch vốn thực hiện đề án trong 3 năm), kinh phí người dân đóng góp 175,724 triệu đồng.

II. Lý do đề nghị sửa đổi, hủy bỏ:

Trong quá trình thực hiện Đề án còn gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Một số cơ chế chính sách hỗ trợ chưa phù hợp, thiếu tính đồng bộ và rất khó áp dụng vào thực tiễn như: Chính sách tín dụng, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ, xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm,...

- Quy mô diện tích sản xuất nông nghiệp của thị xã còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa thực hiện được việc dồn điền đổi thửa (vì thiếu chính sách hỗ trợ) nên khó khăn trong việc hình thành vùng sản xuất có quy mô tập trung, xây dựng chuỗi giá trị sản xuất bền vững;

- Việc chuyển đổi hình thành các mô hình sản xuất còn chậm, chưa phát huy được hiệu quả; các mô hình mang tính nhỏ lẻ, chưa tạo được chuyển biến rõ nét trong sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh đó, một số chính sách của tỉnh và Trung ương mới ban hành nên một số nội dung của Nghị quyết không còn phù hợp.

Vì vậy, để tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng tập trung, thâm canh, chuyên canh, đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, khai thác các tiềm năng lợi thế, góp phần tăng giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp phù hợp với Nghị quyết Đại hội đại biểu thị xã Quảng Trị lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 – 2025; UBND thị xã kính trình HĐND thị xã xem xét, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND thị xã về ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp thị xã theo hướng nâng cao giá trị sản xuất và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

III. Nội dung sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ:

1. Sửa đổi, hủy bỏ một số nội dung và định mức ngân sách hỗ trợ tại Phụ lục 01, phần B ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND thị xã: (Chi tiết phụ biểu 01 đính kèm)

a. Tại mục II. Hỗ trợ giống. Đề nghị sửa đổi thành: Mục II. Nội dung, định mức hỗ trợ mô hình.

b. Tại tiểu mục 2, mục II: Đối với giống rau:

- Tên tiêu đề tiểu mục 2. Đề nghị sửa đổi thành: Đối với mô hình trồng rau.

- Tại ý thứ ba, tiểu mục 2. Sản xuất rau công nghệ cao: Hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/ mô hình. Đề nghị sửa đổi thành: Mô hình sản xuất rau công nghệ cao: Hỗ trợ 50% chi phí giống, 100% chi phí tập huấn, giấy chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, VietGAP, truy suất nguồn gốc sản phẩm,... hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, mức hỗ trợ: Không quá 200 triệu đồng/ mô hình.

c. Tại tiểu mục 3, mục II: Đối với giống hoa:

- Tên tiêu đề tiểu mục 3. Đề nghị sửa đổi: Đối với mô hình trồng hoa.

- Tại ý thứ ba, tiểu mục 3. Mô hình sản xuất hoa công nghệ cao: Hỗ trợ 30% kinh phí, không quá 200 triệu đồng/ mô hình. Đề nghị sửa đổi thành: Mô hình sản xuất hoa công nghệ cao: Hỗ trợ 50% chi phí giống, 100% chi phí tập huấn, giấy chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, VietGAP, truy suất nguồn gốc sản phẩm,... hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, mức hỗ trợ: Không quá 200 triệu đồng/ mô hình.

d. Tại tiểu mục 4, mục II: Đối với giống cây ăn quả có múi:

- Tên tiêu đề tiểu mục 4. Đề nghị sửa đổi thành: Đối với mô hình cây ăn quả và cây dược liệu.

- Đề nghị bỏ toàn bộ nội dung ý thứ nhất, tiểu mục 4: Cây giống cho hộ gia đình tham gia trồng mới cây ăn quả có múi với diện tích từ 01 ha trở lên: Hỗ trợ 50% chi phí, không quá 15 triệu đồng/ ha; diện tích hỗ trợ không quá 20 ha/ năm.

- Đề nghị bỏ toàn bộ nội dung ý thứ hai, tiểu mục 4: Nhóm hộ (có diện tích liền khoảnh) tham gia trồng mới cây ăn quả có múi với diện tích từ 3 ha trở lên: 10 triệu đồng/ha, tối đa không quá 50 triệu đồng/ nhóm hộ; diện tích hỗ trợ không quá 10 ha/ năm.

- Đề nghị sửa đổi nội dung tiểu mục 4 thành:

+ Ý thứ nhất: Mô hình cây ăn quả và cây dược liệu, với quy mô tối thiểu 0,4 ha: Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu để thực hiện mô hình, 30% chi phí xây dựng hệ thống tưới. Định mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ 01 ha. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.

+ Ý thứ hai: Hỗ trợ cải tạo vườn tạp sang trồng cây ăn quả, cây dược liệu cho nhóm hộ (Những hộ có diện tích đất sản xuất tối thiểu 500 m², có cùng sở thích trồng cây ăn quả, cây dược liệu thành lập nhóm hộ, tổ nhóm hợp tác được UBND cấp xã chứng thực, với quy mô tối thiểu của nhóm là 01 ha (có thể không liền vùng, liền khoảnh)): Hỗ trợ 50% chi phí giống. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.

e. Đề nghị bỏ tiêu mục 5, mục II: Đối với giống cỏ: Hỗ trợ 70% kinh phí từ 0,5 ha trở lên (tối đa 10 triệu đồng/ha); quy mô 03-06 con bò/ mô hình.

f. Tại tiêu mục 6, mục II: Đối với giống bò.

- Đề nghị bỏ ý thứ nhất, tiêu mục 6: Đối với xã Hải Lệ: Thực hiện theo Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh.

- Tại ý thứ 2, tiêu mục 6: Đối với các phường: Hỗ trợ 50% chi phí tại thời điểm hỗ trợ (mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/ con) với quy mô hỗ trợ 03 -06 con/ mô hình. Mỗi năm hỗ trợ không quá 5 mô hình. Đề nghị sửa đổi thành: Đối với những vùng có điều kiện chăn nuôi bò bán thâm canh hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống bò cái (tỷ lệ lai tối thiểu 25% máu ngoại, trọng lượng tối thiểu 130 kg/ con) với quy mô 03 -06 con/ mô hình. Mỗi năm hỗ trợ không quá 5 mô hình.

g. Tại tiêu mục 8, mục II: Đối với mô hình cây, con khác:

- Đối với mô hình cây, con khác (cây dược liệu, nuôi hươu, dê,..) có hiệu quả cao, có khả năng nhân rộng: Hỗ trợ 30% chi phí, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ mô hình và không quá 05 mô hình/ năm. Đề nghị sửa đổi thành: Đối với mô hình cây, con khác có hiệu quả, có khả năng nhân rộng: Hỗ trợ tối đa 40% chi phí, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ mô hình và không quá 05 mô hình/ năm.

h. Tại tiêu mục 9, mục II: Hỗ trợ KHCN, đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm.

- Tại ý thứ hai, tiêu mục 9. Phân tích mẫu đất, mẫu nước cho các vùng sản xuất rau an toàn và mô hình VietGAP: Hỗ trợ 100% kinh phí. Đề nghị sửa đổi thành: Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, ...

2. Bổ sung một số nội dung và định mức ngân sách hỗ trợ tại Phụ lục 01, phần B ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND thị xã: (Chi tiết phụ biểu 02 đính kèm)

a. Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng trên đất trồng màu, đất trồng lúa thiếu nước tưới:

- Đối với diện tích trồng ngô, lạc, đậu các loại, cây màu, cây gia vị... có quy mô liên vùng từ 01 ha trở lên được hỗ trợ 50% chi phí giống để chuyển đổi cơ cấu giống có chất lượng cao. Mỗi năm hỗ trợ không quá 20 ha.

- Đối với chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thiếu nước tưới, hiệu quả thấp sang trồng cây hàng năm khác có giá trị kinh tế cao với quy mô liên vùng từ 1 ha trở lên được hỗ trợ 50% chi phí giống, phân bón. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.

- Đối với diện tích trồng ngô, lạc, đậu các loại, cây màu... có quy mô tập trung từ 05 ha trở lên có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm; được hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu. Mỗi năm hỗ trợ không quá 30 ha.

b. Hỗ trợ Hợp tác xã/ Tổ hợp tác có sản phẩm chủ lực xây dựng bao bì nhãn mác, truy suất nguồn gốc cho sản phẩm nông nghiệp: 100% chi phí. Mỗi năm hỗ trợ không quá 05 sản phẩm.

c. Hỗ trợ dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất; cải tạo đầm lầy xây dựng mô hình kinh tế với quy mô 01 ha trở lên được hỗ trợ tối đa 05 triệu đồng/ha. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.

d. Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi: Đối với những hộ chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn: 05 con lợn nái hoặc 10 con lợn thịt hoặc 03 con trâu, bò hoặc 200 con gia cầm sinh sản và tương đương được hỗ trợ:

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị xây công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi (Biogas). Mức hỗ trợ không quá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/1 công trình/1 hộ;

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/1 hộ.

(Phụ lục 01 sau khi sửa đổi, bổ sung các nội dung và định mức hỗ trợ).

IV. Nguồn vốn thực hiện đề án:

Tổng nguồn vốn thực hiện các mô hình, dự án giai đoạn 2021-2025 là 4.451 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách thị xã hỗ trợ: 1.761 triệu đồng;

- Kinh phí người dân đóng góp: 2.690 triệu đồng.

Phân kỳ đầu tư: Bình quân mỗi năm thực hiện các mô hình dự án là 690,2 triệu đồng/ năm, trong đó:

- Ngân sách thị xã hỗ trợ: 312,2 triệu đồng/ năm;

- Kinh phí người dân đóng góp: 378 triệu đồng/ năm.

Riêng năm 2025, thực hiện 01 mô hình trồng hoa hoặc rau công nghệ cao với tổng kinh phí 1.000 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách thị xã hỗ trợ 200 triệu đồng, người dân đóng góp 800 triệu đồng. Nên tổng ngân sách thị xã bố trí năm 2025 là 512,2 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 02 đính kèm)

Kính đề nghị HĐND thị xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND thị xã;
- Ban KTXH HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- VP HĐND-UBND thị xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Sơn

Phụ biểu 01
BẢNG TỔNG HỢP

Sửa đổi các nội dung và định mức ngân sách hỗ trợ tại Phần B, Phụ lục 01
ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND thị xã
(Kèm theo Tờ trình số 146/L/TTr-UBND ngày 8 /12/2020 của UBND thị xã)

STT	Các nội dung của Nghị quyết 32 cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi	Lý do
1	Tại mục II. Hỗ trợ giống	Mục II. Nội dung, định mức hỗ trợ mô hình	Trong 9 tiêu mục hỗ trợ có rất nhiều nội dung hỗ trợ (giống, vật tư, tập huấn,...). Vì vậy tên đề mục hỗ trợ giống là không phù hợp.
2	Tại tiêu mục 2, mục II: Đối với giống rau	Đối với mô hình trồng rau.	Để phát triển trồng rau và hoa theo hướng công nghệ cao hiện nay nhà nước đang có nhiều chính sách ưu tiên phát triển, tuy nhiên do nguồn lực và điều kiện của thị xã còn hạn chế chưa tiếp cận được. Vì vậy, cần đưa các chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh vào hỗ trợ (giống, tập huấn, vật tư,...) để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện mô hình điểm trên địa bàn. Về định mức áp dụng theo: Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.
-	Sản xuất rau công nghệ cao: Hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.	Mô hình sản xuất rau công nghệ cao: Hỗ trợ 50% chi phí giống, 100% chi phí tập huấn, giấy chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, VietGAP, truy suất nguồn gốc sản phẩm,... hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, mức hỗ trợ: Không quá 200 triệu đồng/ mô hình.	
3	Tại tiêu mục 3, mục II: Đối với giống hoa	Đối với mô hình trồng hoa.	
-	Mô hình sản xuất hoa công nghệ cao: Hỗ trợ 30% kinh phí, không quá 200 triệu đồng/ mô hình.	Mô hình sản xuất hoa công nghệ cao: Hỗ trợ 50% chi phí giống, 100% chi phí tập huấn, giấy chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, VietGAP, truy suất nguồn gốc sản phẩm,... hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, mức hỗ trợ: Không quá 200 triệu đồng/ mô hình.	
4	Tại tiêu mục 4, mục II: Đối với giống cây ăn quả có múi	Đối với mô hình cây ăn quả và cây dược	Trong các chính sách phát triển trồng cây ăn quả có rất nhiều loại cây trồng, vì



STT	Các nội dung của Nghị quyết 32 cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi	Lý do
		liệu.	vậy chỉ giới hạn cây có múi là không phù hợp. Bên cạnh đó, Trung ương, tỉnh đang khuyến khích phát triển cây dứa liệu. Vì vậy, thị xã cũng nên đưa các loại cây trồng này vào với quy mô phù hợp với đặc thù của thị xã.
	Cây giống cho hộ gia đình tham gia trồng mới cây ăn quả có múi với diện tích từ 01 ha trở lên: Hỗ trợ 50% chi phí, không quá 15 triệu đồng/ha; diện tích hỗ trợ không quá 20ha/năm.	Mô hình cây ăn quả và cây dứa liệu, với quy mô tối thiểu 0,4 ha: Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu để thực hiện mô hình, 30% chi phí xây dựng hệ thống tưới. Định mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/01 ha. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.	Đối với chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh đối với cây ăn quả đặc sản và cây dứa liệu với quy mô tối thiểu 0,5 ha đã hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% kinh phí xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm; Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và 30% chi phí ứng dụng chế phẩm sinh học, phân hữu cơ; Chi phí chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, ... Định mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/ha. Vì vậy, với chính sách của thị xã quy mô lớn hơn quy mô của tỉnh, mà định mức hỗ trợ thấp, chính sách hỗ trợ lại hạn chế nên khó triển khai thực hiện trên địa bàn.
	Nhóm hộ (có diện tích liền khoảnh) tham gia trồng mới cây ăn quả có múi với diện tích từ 3 ha trở lên: 10 triệu đồng/ha, tối đa không quá 50 triệu đồng/nhóm hộ; diện tích hỗ trợ không quá 10 ha/năm.	Hỗ trợ cải tạo vườn tạp sang trồng cây ăn quả, cây dứa liệu cho nhóm hộ (Những hộ có diện tích đất sản xuất tối thiểu 500 m ² , có cùng sở thích trồng cây ăn quả, cây dứa liệu thành lập nhóm hộ, tổ nhóm hợp tác được UBND cấp xã chứng thực, với quy mô tối thiểu của nhóm là 01 ha (có thể không liền vùng, liền khoảnh)): Hỗ trợ 50% chi phí giống. Mỗi năm hỗ trợ không	Với diện tích đất của thị xã nhỏ hẹp, manh mún để có vùng đất liền vùng liền thửa với quy mô 3 ha trở lên, cùng với các hộ có cùng sở thích để trồng cây ăn quả có múi là không phù hợp. Vì vậy, với diện tích đất sản xuất ở các vùng tập trung như đất bãi bồi, ven sông để sản xuất các nông sản phục vụ chế biến, người dân trên địa bàn còn có phần diện tích đất vườn để phát triển sản xuất,

STT	Các nội dung của Nghị quyết 32 cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi	Lý do
		quá 10 ha.	<p>nâng cao hiệu quả kinh tế hộ. Tuy nhiên, do điều kiện của người dân còn khó khăn, thực hiện sản xuất còn nhỏ lẻ chưa có điều kiện để sản xuất cây trồng giá trị theo hướng quy mô, có liên kết trong tổ chức sản xuất; cần có chính sách để hỗ trợ vừa tạo hàng hóa tập trung, có tổ chức sản xuất, vừa chỉnh trang vườn tược của hộ gia đình, vừa tăng thu nhập, phù hợp với diện tích sản xuất manh mún trên địa bàn. Đối với định mức hỗ trợ hiện nay như: Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông và các văn bản khác: Định mức hỗ trợ giống ở vùng đồng bằng là 50% chi phí giống.</p>
5	<p>Tại tiêu mục 5, mục II: Đối với giống cỏ: Hỗ trợ 70% kinh phí từ 0,5 ha trở lên (tối đa 10 triệu đồng/ha); quy mô 03-06 con bò/ mô hình.</p>	<p>Bỏ, áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh</p>	<p>Đối với giống cỏ hiện nay có chính sách hỗ trợ trồng cỏ nuôi bò theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh với định mức rất cao (gần 100%): Hỗ trợ 1,3 triệu đồng/500m² (để mua giống, phân bón, vôi), đối với hộ gia đình hỗ trợ tối đa 2.000 m² (5,2 triệu đồng), trang trại chăn nuôi bò hỗ trợ 5.000 m² (13 triệu đồng). Trên địa bàn, nhu cầu trồng cỏ hiện nay rất ít. Vì vậy, đối với chính sách của thị xã diện tích để hỗ trợ lớn ($\leq 0,5$ ha), định mức hỗ trợ lại thấp nên không phù hợp để áp dụng trên địa bàn. Khi có hộ tham gia nội dung hỗ trợ này thì hỗ trợ theo nguồn kinh phí và chính sách của tỉnh.</p>

STT	Các nội dung của Nghị quyết 32 cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi	Lý do
6	Tại tiêu mục 6, mục II: Đối với giống bò.		
-	Đối với xã Hải Lệ: Thực hiện theo Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh.	Bãi bỏ: Đối với xã Hải Lệ: Thực hiện theo Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh.	Hiện nay, các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ năm 2018 trở đi thực hiện theo dự án chuỗi giá trị của Quyết định 4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT nên hiện nay không bố trí kinh phí theo Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh.
-	Đối với các phường: Hỗ trợ 50% chi phí tại thời điểm hỗ trợ (mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/ con) với quy mô hỗ trợ 03 -06 con/ mô hình. Mỗi năm hỗ trợ không quá 5 mô hình.	Đối với những vùng có điều kiện chăn nuôi bò bán thâm canh hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống bò cái (tỷ lệ lai tối thiểu 25% máu ngoại, trọng lượng tối thiểu 130 kg/ con) với quy mô 03 -06 con/ mô hình. Mỗi năm hỗ trợ không quá 5 mô hình.	Hiện nay các chính sách của tỉnh, Trung ương đều tập trung nâng tỷ lệ bò lai, như Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh hỗ trợ 40% chi phí giống, tối đa 10 triệu đồng/ con, mỗi hộ không quá 02 con; với giá bò lai hiện tại (trọng lượng 160 kg/ con, tỷ lệ lai 50% máu ngoại) đơn giá hơn 20 triệu đồng/ con; theo Nghị quyết thị xã hỗ trợ 50% giá giống (không quá 05 triệu đồng/ con) là không phù hợp. Vì vậy, thị xã cần có chính sách nâng quy mô đàn, vừa nâng tỷ lệ bò lai, vừa tạo điều kiện cho những hộ không đáp ứng quy định của tỉnh, có điều kiện tiếp cận chính sách của thị xã. Định mức hỗ trợ áp dụng theo quy định Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh.
7	Tại tiêu mục 8, mục II: Đối với mô		

STT	Các nội dung của Nghị quyết 32 cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung	Nội dung điều chỉnh, sửa đổi	Lý do
	hình cây, con khác		
-	Đối với mô hình cây, con khác (cây dược liệu, nuôi hươu, dê,...) có hiệu quả cao, có khả năng nhân rộng: Hỗ trợ 30% chi phí, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ mô hình và không quá 05 mô hình/ năm.	Đối với mô hình cây, con khác có hiệu quả, có khả năng nhân rộng: Hỗ trợ tối đa 40% chi phí, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ mô hình và không quá 05 mô hình/ năm.	Tạo điều kiện cho những người dân có tâm huyết, học hỏi những mô hình mới, có sáng tạo ở các địa phương khác về áp dụng trên địa bàn có điều kiện để mở rộng quy mô và phát triển mô hình trên địa bàn. Về định mức chính sách về khuyến nông hỗ trợ 50% giá giống, hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao; một số chính sách của tỉnh 40% chi phí giống nhưng để ưu tiên cho các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn nên đề nghị hỗ trợ 40% chi phí thực hiện mô hình.
8	Tại tiêu mục 9, mục II: Hỗ trợ KHCN, đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm.		
-	Phân tích mẫu đất, mẫu nước cho các vùng sản xuất rau an toàn và mô hình VietGAP: Hỗ trợ 100% kinh phí.	Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP,..	Để chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP gồm rất nhiều chi phí như: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí, chi phí cấp giấy chứng nhận,... Định mức hỗ trợ áp dụng theo điều 8. Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của liên bộ hướng dẫn thực hiện Quyết định 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ: 100% chi phí.

Phụ biểu 02
BẢNG TỔNG HỢP

Bổ sung các nội dung và định mức ngân sách hỗ trợ tại Phần B, Phụ lục 01
ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND thị xã
(Kèm theo Tờ trình số 1461/TTr-UBND ngày 8 /12/2020 của UBND thị xã)

STT	NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ	LÝ DO
1	Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng trên đất trồng màu, đất trồng lúa thiếu nước tưới		<i>Hiện nay, diện tích trồng cây hàng năm trên địa bàn hơn 900 ha. Tuy nhiên, thời gian đây tình hình hạn hán, bệnh khảm lá sắn đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của người dân, để người dân có điều kiện tiếp cận nguồn lực hỗ trợ để chuyển đổi cây trồng có giá trị, nâng cao thu nhập; sản xuất theo định hướng xây dựng và nhân rộng cánh đồng lớn theo. Hiện nay, tỉnh đang khuyến khích xây dựng phương án chuyển đổi trên đất trồng lúa thiếu nước tưới.</i>
-	<i>Đối với diện tích trồng ngô, lạc, đậu các loại, cây màu, cây gia vị... có quy mô liền vùng từ 01 ha trở lên.</i>	<i>- Hỗ trợ 50% chi phí giống, để chuyển đổi cơ cấu giống có chất lượng cao; mỗi năm hỗ trợ không quá 20 ha.</i>	<i>Về định mức: + Theo Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh: Hỗ trợ sản xuất ngô, lạc hàng hóa hỗ trợ 60% chi phí giống. + Theo Quyết định 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh: Hỗ trợ chuyển đổi trên đất trồng lúa thiếu nước tưới hỗ trợ 60% chi phí giống, 40% chi phí phân bón. + Theo Kế hoạch số 4907/KH-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh về xây dựng và nhân rộng mô hình cánh đồng lớn theo hướng chất lượng, hiệu quả và bền vững của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025; với quy mô đậu các loại từ 5 ha trở lên được hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu. + Theo Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông đối với</i>
-	<i>Đối với chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thiếu nước tưới, hiệu quả thấp sang trồng cây hàng năm khác có giá trị kinh tế cao với quy mô liền vùng từ 1 ha trở lên.</i>	<i>Hỗ trợ 50% chi phí giống, phân bón; mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.</i>	
-	<i>Đối với diện tích trồng ngô, lạc, đậu các loại, cây màu... có quy mô tập trung từ 05 ha trở lên có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm.</i>	<i>Được hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu. Mỗi năm hỗ trợ không quá 30 ha.</i>	



STT	NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ	LÝ DO
			<p>vùng đồng bằng khi xây dựng mô hình được hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu. Để thống nhất trong thực hiện dự án khuyến nông nên đưa về định mức hỗ trợ 50% chi phí giống, 50% chi phí vật tư thiết yếu.</p>
2	<p>Hỗ trợ Hợp tác xã/ Tổ hợp tác có sản phẩm chủ lực xây dựng bao bì nhãn mác, truy suất nguồn gốc cho sản phẩm nông nghiệp.</p>	<p>Hỗ trợ 100% chi phí. Mỗi năm hỗ trợ không quá 05 sản phẩm.</p>	<p>Áp dụng theo điểm c, điều 9 tại Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; điểm a, khoản 4, điều 8 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh. Đồng thời hiện nay các bộ tiêu chí đánh giá hợp tác xã quy định rất cao, trong đó khuyến khích hợp tác xã phát triển sản phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; phát triển sản phẩm theo hướng bao bì nhãn mác, có truy suất nguồn gốc. Vì vậy, nên có chính sách hỗ trợ các HTX có điều kiện phát triển.</p>
3	<p>Hỗ trợ đôn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất; cải tạo đầm lầy xây dựng mô hình kinh tế với quy mô 01 ha trở lên</p>	<p>Hỗ trợ tối đa 05 triệu đồng/ha. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.</p>	<p>Hiện nay trên địa bàn diện tích đất ruộng nhỏ lẻ, manh mún cần có chính sách khuyến khích đôn điền đổi thửa để xây dựng cánh đồng lớn; có một số diện tích đầm lầy quy mô lớn ở Hải Lệ, An Đôn chưa được cải tạo, còn để hoang hoặc mới tận dụng nuôi cá nên gây lãng phí đất sản xuất. Vì vậy, cần có chính sách hỗ trợ để nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Về định mức: Theo điểm b, khoản 1, điều 5 Nghị định 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha. Tuy nhiên, để thống nhất trên địa bàn tỉnh nên áp dụng theo điểm h, tiểu mục 3, mục III tại</p>

STT	NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ	LÝ DO
			Kế hoạch số 4907/KH-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh.
4	Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi:		
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị xây công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi (Biogas).	Mức hỗ trợ không quá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/1 công trình/1 hộ;	Hiện nay, theo quy định của Luật Chăn nuôi, hộ chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp xử lý phân, nước thải chăn nuôi theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Vì vậy, việc hỗ trợ xây dựng hầm Biogas, chăn nuôi đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi hiện nay là vấn đề bức thiết, cần phải được quan tâm hỗ trợ. Định mức hỗ trợ: Áp dụng theo Quyết định 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020. Đây là chính sách của Trung ương đã thực hiện những năm trước, tuy nhiên từ năm 2018 trở đi nguồn kinh phí này không được Trung ương bố trí, để đảm bảo cho việc chăn nuôi hiện nay trên địa bàn đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường cần bố trí nguồn vốn để duy trì chính sách này.
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi.	Mức hỗ trợ không quá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/1 hộ.	

PHỤ LỤC 01

Sau khi sửa đổi và bổ sung các nội dung và định mức hỗ trợ tại Phần B, Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 27/12/2017 của HĐND thị xã (Kèm theo Tờ trình số 146/Tr-UBND ngày 8/12/2020 của UBND thị xã)

A. NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1	Chỉ hỗ trợ các mô hình, dự án được xây dựng mới. Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần/một nội dung từ ngân sách nhà nước (loại trừ các đối tượng đã hưởng từ các chương trình, dự án hỗ trợ của Trung ương, Tỉnh).
2	Hỗ trợ đúng đối tượng, đúng quy trình, không hỗ trợ trùng các nguồn vốn; thực hiện hỗ trợ một cách công khai dân chủ. Hỗ trợ kinh phí sau khi dự án hoàn thành công tác đầu tư và đi vào hoạt động.
3	Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có mức hỗ trợ cao nhất.
4	Đối với các mô hình, dự án đạt các tiêu chí theo quy định của tỉnh thì đề nghị tỉnh hỗ trợ, đối với các cây trồng, vật nuôi thuộc phạm vi Đề án này, nếu tỉnh đã có chính sách hỗ trợ thì thị xã sẽ hỗ trợ các hạng mục còn lại trong quy trình sản xuất và quy mô mà tỉnh chưa có chính sách hỗ trợ.
5	Các mô hình hỗ trợ đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho thuê đất, giao đất cho người có nhu cầu thực hiện các mô hình trồng trọt, chăn nuôi; đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường trong chăn nuôi; các điều kiện về giao và sử dụng mặt nước trong nuôi trồng thủy sản và tiêu chuẩn kỹ thuật về điều kiện nuôi thủy sản theo quy định của Bộ NN&PTNT.

B. NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

STT	NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ
I	HỖ TRỢ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ	
1	Đường điện, xây dựng bể nước, giếng khoan, hệ thống tưới phun sương, nhỏ giọt... :	Hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/ha; diện tích hỗ trợ không quá 02 ha/năm
2	Hệ thống điện, hệ thống tưới, san ủi mặt bằng sản xuất:	Hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/ha; diện tích hỗ trợ không quá 02 ha/năm
3	Công cụ sạ hàng:	Hỗ trợ 50% chi phí (tối đa 02 cái/ha) và không quá 20 cái/năm
4	Máy cắt cỏ:	Hỗ trợ 50% kinh phí (tối đa 03 triệu đồng/máy)
5	Lồng, bè nuôi trồng thủy sản	

STT	NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ
-	Lồng làm bằng nhôm thể tích 8m ³ trở lên để ương, nuôi cá chình lồng:	05 triệu đồng/lồng.
-	Lồng bằng tre, lưới... thể tích đạt 8m ³ trở lên:	02 triệu đồng/lồng.
II	NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ MÔ HÌNH	
1	Đối với giống lúa	
-	Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao mới:	Hỗ trợ 50% chi phí mua giống (Nguyên chủng hoặc giống xác nhận), định mức 80 kg/ ha cho năm đầu tiên; không quá 50% kinh phí mua giống để nhân rộng mô hình (quy mô 20 ha trở lên). Diện tích hỗ trợ không quá 20 ha/ năm.
-	Mô hình sản xuất lúa hữu cơ:	Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, định mức 80 kg/ ha cho năm đầu tiên triển khai thực hiện mô hình điểm; hỗ trợ 50% chi phí mua phân bón hữu cơ. Diện tích hỗ trợ không quá 20 ha/ năm.
2	Đối với mô hình trồng rau.	
-	Vùng sản xuất rau an toàn tập trung:	Hỗ trợ 80% chi phí để thực hiện mô hình điểm; diện tích 0,3 ha trở lên (không quá 60 triệu đồng/ ha), tối đa không quá 40% chi phí mua giống để nhân rộng mô hình hiệu quả.
-	Sản xuất hộ gia đình:	Hỗ trợ một lần 50% chi phí mua giống để thực hiện mô hình trồng rau với quy mô từ 500 m ² trở lên.
-	Mô hình sản xuất rau công nghệ cao:	Hỗ trợ 50% chi phí giống, 100% chi phí tập huấn, giấy chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, VietGAP, truy suất nguồn gốc sản phẩm,... hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, mức hỗ trợ: Không quá 200 triệu đồng/ mô hình.
3	Đối với mô hình trồng hoa.	
-	Vùng trồng tập trung:	Hỗ trợ 80% chi phí để thực hiện mô hình điểm; diện tích 0,3 ha trở lên (không quá 60 triệu đồng/ ha), tối đa không quá 40% chi phí mua giống để nhân rộng mô hình hiệu quả.
-	Sản xuất hộ gia đình:	Hỗ trợ một lần 50% chi phí với quy mô hỗ trợ từ 500 m ² trở lên.

STT	NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ
-	Mô hình sản xuất hoa công nghệ cao:	Hỗ trợ 50% chi phí giống, 100% chi phí tập huấn, giấy chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, VietGAP, truy suất nguồn gốc sản phẩm,... hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất để thực hiện mô hình, mức hỗ trợ: Không quá 200 triệu đồng/ mô hình.
4	Đối với mô hình cây ăn quả và cây dược liệu.	
-	Mô hình cây ăn quả và cây dược liệu, với quy mô tối thiểu 0,4 ha:	Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu để thực hiện mô hình, 30% chi phí xây dựng hệ thống tưới. Định mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ 01 ha. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.
-	Hỗ trợ cải tạo vườn tạp sang trồng cây ăn quả, cây dược liệu cho nhóm hộ (Những hộ có diện tích đất sản xuất tối thiểu 500 m ² , có cùng sở thích trồng cây ăn quả, cây dược liệu thành lập nhóm hộ, tổ nhóm hợp tác được UBND cấp xã chứng thực, với quy mô tối thiểu của nhóm là 01 ha (có thể không liền vùng, liền khoảnh)):	Hỗ trợ 50% chi phí giống. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.
5	Đối với giống bò.	Đối với những vùng có điều kiện chăn nuôi bò bán thâm canh hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống bò cái (tỷ lệ lai tối thiểu 25% máu ngoại, trọng lượng tối thiểu 130 kg/ con) với quy mô 03 -06 con/ mô hình. Mỗi năm hỗ trợ không quá 5 mô hình.
6	Đối với giống thủy sản.	Hỗ trợ 80% chi phí thực hiện mô hình điểm, diện tích mặt nước 1.500 m ² trở lên (mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/ hộ) và tối đa không quá 40% chi phí mua giống để nhân rộng mô hình có hiệu quả.
7	Đối với mô hình cây, con khác có hiệu quả, có khả năng nhân rộng	Hỗ trợ tối đa 40% chi phí, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ mô hình và không quá 05 mô hình/ năm.
8	Hỗ trợ KHCN, đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm.	
-	Tổ chức tập huấn chuyên giao tiến bộ khoa học công nghệ, hội thảo, hội nghị, chỉ đạo kỹ thuật, học tập kinh nghiệm mô hình mới trong và ngoài tỉnh.	Hỗ trợ 100%



STT	NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ
-	Chi phí chứng nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP,...	Hỗ trợ 100%
9	Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng trên đất trồng màu, đất trồng lúa thiếu nước tưới, hiệu quả thấp	
-	Đối với diện tích trồng ngô, lạc, đậu các loại, cây màu, cây gia vị... có quy mô liên vùng từ 01 ha trở lên:	Hỗ trợ 50% chi phí giống, để chuyển đổi cơ cấu giống có chất lượng cao; mỗi năm hỗ trợ không quá 20 ha.
-	Đối với chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thiếu nước tưới, hiệu quả thấp sang trồng cây hàng năm khác có giá trị kinh tế cao với quy mô liên vùng từ 1 ha trở lên:	Hỗ trợ 50% chi phí giống, phân bón; mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.
-	Đối với diện tích trồng ngô, lạc, đậu các loại, cây màu... có quy mô tập trung từ 05 ha trở lên có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm:	Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu. Mỗi năm hỗ trợ không quá 30 ha.
10	Hỗ trợ Hợp tác xã/ Tổ hợp tác có sản phẩm chủ lực xây dựng bao bì nhãn mác, truy suất nguồn gốc cho sản phẩm nông nghiệp:	Hỗ trợ 100% chi phí. Mỗi năm hỗ trợ không quá 05 sản phẩm.
11	Hỗ trợ dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất; cải tạo đầm lầy xây dựng mô hình kinh tế với quy mô 01 ha trở lên:	Hỗ trợ tối đa 05 triệu đồng/ha. Mỗi năm hỗ trợ không quá 10 ha.
12	Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi: Đối với những hộ chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn: 05 con lợn nái hoặc 10 con lợn thịt hoặc 03 con trâu, bò hoặc 200 con gia cầm sinh sản và tương đương	
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị xây công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi (Biogas):	Mức hỗ trợ không quá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/1 công trình/1 hộ.
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi:	Mức hỗ trợ không quá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/1 hộ.

Phụ lục 02: TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Tờ trình số 146L/TTr-UBND ngày 8 /12/2020 của UBND thị xã)

TT	Nội dung mô hình, dự án	Quy mô, số lượng	Tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		Tổng nguồn vốn thực hiện mỗi năm (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)	
				NS thị xã	Người dân đóng góp		NS thị xã	Người dân đóng góp
1	Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, sản xuất lúa hữu cơ	50 ha	179	102	77	35,8	20,4	15,4
	Giống lúa	4.000 kg	104	52	52	20,8	10,4	10,4
	Công cụ sạ hàng	50 cái	50	25	25	5	5	
	Tập huấn, chuyển giao TBKHKT	5 lớp	25	25		5	5	
2	Mô hình trồng rau, hoa		1.160	320	840	32	24	8
	Giống hoa, giống rau	2 ha	160	120	40	32	24	8
	Mô hình sản xuất hoa hoặc rau công nghệ cao	01 mô hình	1.000	200	800	0	0	0
3	Mô hình trồng cây ăn quả, cây dược liệu		430	205	225	86	41	45
	Mô hình có quy mô tối thiểu 0,4 ha	2 ha	180	80	100	36	16	20
	Mô hình cải tạo vườn tạp cho nhóm hộ	10 ha	250	125	125	50	25	25
4	Đối với giống bò	30 con	480	240	240	96	48	48
5	Đối với giống thủy sản	1 ha	150	68	82	30	13,6	16,4
6	Chi phí lồng nhôm nuôi cá chình	20 lồng	200	100	100	40	20	20
7	Hỗ trợ chuyển đổi trên đất trồng lúa, đất màu hiệu quả thấp	30 ha	100	50	50	20	10	10

TT	Nội dung mô hình, dự án	Quy mô, số lượng	Tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		Tổng nguồn vốn thực hiện mỗi năm (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)	
				NS thị xã	Người dân đóng góp		NS thị xã	Người dân đóng góp
	Giống lạc (05 ha)	1.000 kg	40	20	20	8	4	4
4	Giống ngô (05 ha)	100 kg	30	15	15	6	3	3
6	Giống đậu xanh (20 ha)	400 kg	30	15	15	6	3	3
8	<i>Hỗ trợ sản phẩm chủ lực của HTX, THT phát triển sản phẩm (20 triệu đồng/ sản phẩm).</i>	<i>5 sản phẩm</i>	<i>100</i>	<i>100</i>		<i>20</i>	<i>20</i>	
9	<i>Hỗ trợ dồn điền đổi thửa, cải tạo đầm lầy</i>	<i>20 ha</i>	<i>300</i>	<i>100</i>	<i>200</i>	<i>60</i>	<i>20</i>	<i>40</i>
10	<i>Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi</i>		<i>552</i>	<i>176</i>	<i>376</i>	<i>110,4</i>	<i>35,2</i>	<i>75,2</i>
	Công trình Biogas	25 công trình	376	88	288	75,2	17,6	57,6
	Đệm lót sinh học	25 hộ	176	88	88	35,2	17,6	17,6
11	<i>Mô hình cây con khác</i>	<i>15 mô hình</i>	<i>800</i>	<i>300</i>	<i>500</i>	<i>160</i>	<i>60</i>	<i>100</i>
Tổng cộng			4.451	1.761	2.690	690,2	312,2	378

Ghi chú: Riêng năm 2025, thực hiện 01 mô hình trồng hoa hoặc rau công nghệ cao với tổng kinh phí 1.000 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách thị xã hỗ trợ 200 triệu đồng, người dân đóng góp 800 triệu đồng. Nên tổng ngân sách thị xã bố trí năm 2025 là 512,2 triệu đồng.